Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;

- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.

- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;

- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;

- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);

- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;

- Tiến độ cung cấp hàng hóa;

- Yếu tố thân thiện môi trường;

- Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);

- Các yếu tố cần thiết khác.

3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

STT	**Nội dung yêu cầu**	**Mức độ đáp ứng**	
		Đạt	**Không đạt**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
I	**Đặc tính kỹ thuật**		
1	Toàn bộ hàng hóa thiết bị thuộc phạm vi cung cấp của E-HSMT	Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất (hãng sản xuất), đáp ứng tất cả các yêu cầu về kỹ thuật cơ bản/tối thiểu tại Mục 1.2 Yêu cầu về kỹ thuật, Chương V, Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT	Không Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất (hãng sản xuất), đáp ứng tất cả các yêu cầu về kỹ thuật cơ bản/tối thiểu tại Mục1.2 Yêu cầu về kỹ thuật, Chương V, Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT.
II	**Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa**		
	Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt thiết bị	Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt thiết bị phù hợp.	Không có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt thiết bị hoặc có giải pháp không phù hợp
III	**Thời gian thực hiện**		
	Thời gian thực hiện	≤ 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	> 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	**Không đạt**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
IV	**Bảo hành**		
	Thời gian bảo hành kể từ ngày bàn giao thiết bị.	Thời gian bảo hành: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, kèm theo quy trình bảo hành. Nhà thầu có cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo hành, có khả năng sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu như bảo hành, sửa chữa, cung cấp phụ kiện thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư	Thời gian bảo hành không Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, không kèm theo quy trình bảo hành. Nhà thầu không có cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo hành, có khả năng sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu như bảo hành, sửa chữa, cung cấp phụ kiện thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư
V	**Giải pháp nghiệm thu, bàn giao, hướng dẫn sử dụng**		
	Nghiệm thu, bàn giao, hướng dẫn sử dụng	Có đề xuất giải pháp Nghiệm thu, bàn giao, hướng dẫn sử dụng phù hợp tính chất và yêu cầu của gói thầu .	Không có hoặc có nhưng không phù hợp.
VI	**Giải pháp đảm bảo chất lượng**		
	Kiểm tra giám sát chất lượng thực hiện gói thầu	Có đề xuất phương án kiểm tra, giám sát đảm bảo chất lượng thực hiện gói thầu khả thi, phù hợp tính chất và yêu cầu của gói thầu	Không có hoặc có nhưng không phù hợp.

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	**Không đạt**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
	Cung cấp đúng chủng loại hàng hóa nhà thầu đề xuất	Có cam kết Cung cấp đúng chủng loại hàng hóa nhà thầu đề xuất	Không có cam kết
VII	**Yêu cầu khác**		
	Nhà thầu có cam kết: Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hết hạn bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất Nhà thầu có cam kết hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp các dịch vụ sửa chữa, trang thiết bị thay thế	Nhà thầu có cam kết	Nhà thầu không có cam kết
	Nhà thầu tham dự thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/05/2025 của Quốc hội. Nhà thầu phải có tài liệu chứng minh doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/08/2021	Nhà thầu đáp ứng quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/05/2025 của Quốc hội, kèm theo tài liệu chứng minh.	Nhà thầu không đáp ứng quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/05/2025 của Quốc hội. Hoặc Nhà thầu có kê khai nhưng không kèm theo tài liệu chứng minh.
	Uy tín của nhà thầu thông qua kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy	Nhà thầu đáp ứng các yêu cầu sau: - Nhà thầu không thuộc danh sách các nhà thầu vi	Nhà thầu không đáp ứng một trong các yêu cầu được nêu ở cột (3).

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	**Không đạt**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
	định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong thời gian từ năm 2022 tính đến thời điểm đóng thầu	phạm đã được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia về Tiến độ thực hiện hợp đồng; - Nhà thầu không thuộc danh sách các nhà thầu vi phạm đã được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia về Chất lượng hàng hóa, bao gồm các sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có) và các yếu tố khác có liên quan; - Nhà thầu không thuộc danh sách các nhà thầu vi phạm đã được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia về Vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng.	
Kết luận		**Đạt tất cả các yêu cầu nêu trên**	**Có một nội dung không đạt**
		Đạt	**Không đạt**